

**Hệ thống điều hoà không khí**
Thông số kỹ thuật môi chất lạnh

Môi chất lạnh	R134a
Môi chất lạnh, số lượng	0.65 ± 0.05 kg

Máy nén lạnh AC, thông số kỹ thuật

Số lượng xy lạnh	7
Piston, dung tích	154.9 cm^3
Ly hợp máy nén lạnh, loại	Điện từ
Nhớt bôi trơn tại 100°C , độ nhớt	21.15 cSt

Ly hợp máy nén lạnh, thông số kỹ thuật

Nguồn cấp, điện áp	24 V
Cuộn dây, công suất	42 W
Cuộn dây, điện trở	15.6Ω
Khe hở	0.6 ± 0.2 mm

Công tắc áp suất, thông số kỹ thuật

Bùng cháy, áp suất	100 bar
Áp suất ngắt cao	28 ± 2 bar
Áp suất đóng cao	22 ± 2 bar
Áp suất ngắt thấp	2 ± 0.2 bar
Áp suất đóng thấp	2.1 ± 0.3 bar
Hoạt động, nhiệt độ	-30 to 80°C
Lưu trữ, nhiệt độ	-30 to 100°C

Thay nhớt, dung tích

Thành phần thay thế	Số lượng nhớt bổ sung
Dàn nóng	60 ml
Dàn lạnh	60 ml
Phin lọc ga	30 ml
Đường ống hút	30 ml
Đường ống xả	30 ml
Đường ống chất lỏng	30 ml
Nạp lại môi chất lạnh	Bằng lượng chất làm lạnh được xả ra khỏi hệ thống
Máy nén lạnh	-

Mô men xoắn kết nối

Kích thước	Sắt – Nhôm (Nm)	Nhôm – Nhôm (Nm)
6 mm	12 ± 2 Nm	17 ± 3 Nm
8 mm	20 ± 2 Nm	37 ± 3 Nm
10 mm	24 ± 2 Nm	40 ± 3 Nm
12 mm	26 ± 2 Nm	43 ± 3 Nm